

# 45 NĂM LƯU TRỮ VIỆT NAM - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

VƯƠNG ĐÌNH QUYỀN

Công tác lưu trữ - một mắt xích trong hệ thống quản lý Nhà nước với chức năng quản lý, tài sử dụng và bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ quốc gia - di sản văn hóa của dân tộc để phục vụ công nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa, bảo vệ tổ quốc. Do vậy, quá trình xây dựng và phát triển công tác lưu trữ Việt Nam 45 năm qua luôn gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn lịch sử.

## I. NHỮNG NGÀY ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, các kho lưu trữ thành lập dưới thời thuộc địa (gồm kho lưu trữ Hà nội, kho lưu trữ Thống đốc Nam kỳ, kho lưu trữ Khâm sứ Trung Kỳ và kho lưu trữ của triều đình nhà Nguyễn) đã được chính quyền cách mạng quản lý. Ngay từ những ngày đầu Nhà nước dân chủ nhân dân trẻ tuổi tuy phải tập trung đối phó với nhiều vấn đề phức tạp (giải giáp dốt, giáp ngoại xâm...) nhưng đã chú ý đến việc quản lý và bảo vệ tài liệu lưu trữ. Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Chính phủ lâm thời nước Việt nam dân chủ cộng hòa đã ra sắc lệnh bổ nhiệm Giám đốc Nhà lưu trữ công văn và Thư viện quốc gia<sup>(1)</sup>. Mấy tháng sau, ngày 3 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thông đạt cho các Bộ trưởng nghiêm cấm tình trạng đem bán và đốt hủy tài liệu theo cách tùy tiện. Thông đạt đã đề cao giá trị của tài liệu lưu trữ, là "những tài liệu có giá trị đặc biệt phương diện kiến thiết quốc gia", phê phán nghiêm khắc những hành động "tự tiện hủy bỏ tài liệu công văn và hồ sơ cũ", xem đó là những hành động "có tính chất phá hoại"; đồng thời cấm không được tùy tiện hủy những công văn tài liệu đó, mà "phải gửi về những sở lưu trữ công văn thuộc Bộ Quốc gia giáo dục để tàng trữ"<sup>(2a)</sup>.

Hai văn kiện trên cho thấy, ngay từ buổi đầu nắm chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm, chăm sóc đến tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ. Đặc biệt là bản Thông đạt ngày 3 tháng 1 năm 1946, đã thể hiện rõ tư tưởng biến tài liệu lưu trữ thành tài sản của quốc gia và do Nhà nước quản lý. Thế nhưng cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp (1946-1954) đã gây go và ác liệt, nhiều vùng lãnh thổ của đất nước bị địch chiếm giữ, các kho lưu trữ nói trên bị phá hủy, khiến cho những tư tưởng tiến bộ đó đã không sớm được thực hiện. Trong giai

c dù chưa thành lập được một cơ quan quản lý công tác lưu trữ của toàn quốc, nhưng do yêu thực tiễn, nhiều cơ quan, đặc biệt là các cơ quan Đảng đã chú ý làm tốt công tác này. Hơn lúc, việc giữ gìn an toàn và không để hồ sơ tài liệu lọt vào tay địch hoặc bị phi pháo của chúng đã trở thành một yêu cầu nghiêm ngặt đối với tất cả cán bộ và cơ quan. Điều 4 và điều 5 của h số 69-SL ngày 10 tháng 12 năm 1951 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc độ giữ gìn bí mật quốc gia chỉ rõ: "Sẽ truy tố trước tòa án như tội phản quốc" những kẻ phạm tét bí mật quốc gia, mua, lấy cắp những tài liệu bí mật quốc gia" và "sẽ tùy theo trường hợp mà phạt" những người "vi sơ suất để lộ bí mật quốc gia: hoặc đánh mất tài liệu bí mật quốc gia" (2).

h bản trên đã có tác dụng tích cực đối với việc bảo vệ tài liệu lưu trữ của các cơ quan. Tuy o thiếu một hệ thống tổ chức lưu trữ từ trung ương đến địa phương và những nguyên nhân quan khác, nên tài liệu phản ánh cuộc kháng chiến thần thánh củ: dân tộc trong giai đoạn lịch -1954 và tài liệu của các thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám bị thất tán, hủy hoại khá nhiều. Ếc là trong Giám tô và Cải cách ruộng đất (1953-1956), ở nhiều làng xã, không ít thư tịch và tài ý hiểm đã bị quần chúng đốt hủy một cách vô thức, làm mất đi những sử liệu vô giá, gây tổn ất định cho kho tàng văn hóa của dân tộc.

## GIẢI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỤ C NƯỚC (1955-1975)

u trữ Việt Nam trong giai đoạn lịch sử này đã có bước phát triển mới, thể hiện ở các mặt sau

**Hình thành hệ thống cơ quan lưu trữ và ban hành Điều lệ về công tác công văn giấy tờ và c lưu trữ**

i Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, công cuộc khôi phục, cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hóa ở ấc và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam ngày càng đòi hỏi sử dụng nhiều tài liệu lưu bảo vệ an toàn chúng. Việc xây dựng một hệ thống tổ chức l : trữ hoàn chỉnh đã : ở thành u cầu cấp thiết. Năm 1959, Phòng lưu trữ Văn phòng trung ương Đảng và Phòng lưu trữ Phủ ơng được thành lập. Tiếp đó, ngày 8 tháng 9 năm 1959, Ban bí thư trung ương Đảng ra Thông ột số điểm về công tác lưu trữ công văn tài liệu". Thông tri đã khẳng định giá trị to lớn của tài i trữ và tầm quan trọng của công tác lưu trữ, đề ra một số nhiệm vụ cấp bách về tổ chức, thu à bảo quản tài liệu lưu trữ (3). Văn bản đầu tiên có hiệu lực cao này của Trung ương Đảng đã ụng thức tỉnh nhận thức và trách nhiệm của cán bộ các cấp, các ngành đối với công tác lưu chức lưu trữ Đảng và Nhà nước các cấp dần dần hình thành và đi vào hoạt động.

i một thời gian chuẩn bị về các mặt, ngày 4 tháng 9 năm 1962, ục lưu trữ trực thuộc Phủ thủ ược thành lập (theo nghị định 102 CP của Hội đồng chính phủ) để "quản lý tập trung và thống ực lưu trữ hồ sơ của Nhà nước" (4). Một năm sau ngày 28 tháng 9 năm 1963 Hội đồng Chính ra Nghị định 142 CP ban hành Điều lệ về công tác công văn giấy tờ và công tác lưu trữ.

Văn bản này cũng cho phép Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao là những cơ quan hình thành nhiều tài liệu bí mật quốc gia và có nhu cầu sử dụng thường xuyên được lập lưu trữ cố định (lưu trữ chuyên ngành, không phải giao nộp tài liệu vào các kho lưu trữ Nhà nước)

Sự kiện thành lập Cục lưu trữ cùng với việc ban hành bản Điều lệ về công tác công văn giấy tờ công tác lưu trữ đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của công tác lưu trữ nước ta.

Cũng từ đó, đã hình thành hai hệ thống lưu trữ rõ rệt; hệ thống tổ chức lưu trữ của Đảng Lao động Việt Nam và hệ thống tổ chức lưu trữ của Nhà nước. Giữa lưu trữ Đảng và lưu trữ Nhà nước tuy có liên quan mật thiết với nhau, nhưng mỗi bên đều có cơ quan quản lý và mạng lưới lưu trữ riêng<sup>(5)</sup>.

**2. Bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ, phục vụ đắc lực cho hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam**

Năm 1964, trước âm mưu gây chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc của quốc Mỹ, Đảng và Nhà nước đã kịp thời đề ra các chủ trương và biện pháp sơ tán tài liệu lưu trữ quốc gia đến những nơi an toàn. Chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao, Cục lưu trữ đã phối hợp với các ngành, các cấp khẩn trương thu thập, phân loại, tổ chức chu đáo việc sơ tán. Do đó đã bảo đảm an toàn hàng chục vạn hồ sơ tài liệu lưu trữ. Trong giai đoạn này, kho lưu trữ trung ương và nhiều kho lưu trữ các ngành, các địa phương đã cố gắng đáp ứng các yêu cầu về sử dụng tài liệu nhằm phục vụ cho các yêu cầu về quản lý nhà nước, sản xuất, chiến đấu và sửa chữa kịp thời những công trình giao thông, thủy lợi bị địch đánh phá.

**3. Kiện toàn tổ chức, triển khai công tác nghiệp vụ vào đào tạo cán bộ.**

Trong hoàn cảnh chiến tranh, công tác lưu trữ vẫn được Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm. Nhiều chỉ thị và thông tư được ban hành nhằm cụ thể hóa Điều lệ về công tác công văn giấy tờ công tác lưu trữ. Tổ chức lưu trữ các cấp từng bước được kiện toàn, tính đến cuối thập kỷ 60, phần lớn các cơ quan trung ương đã thành lập phòng hoặc tổ lưu trữ, nhiều tỉnh và thành phố đã lập kho lưu trữ địa phương. Hoạt động chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ lưu trữ được tăng cường. Tính đến cuối năm 1975 đã có 100 cán bộ tốt nghiệp đại học trong nước và nước ngoài, trên 1000 cán bộ được đào tạo ngắn hạn. Đội ngũ cán bộ này đã góp phần làm thay đổi dần từng bước chất lượng công tác lưu trữ nhà nước và lưu trữ cơ quan.

### III. GIAI ĐOẠN TỔ QUỐC THỐNG NHẤT, CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY)

**1. Thành lập phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam và ban hành pháp lệnh bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia**

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, công tác lưu trữ của các tỉnh, thành phố miền Nam từng bước

đặt dưới sự quản lý của Cục lưu trữ. Năm 1976, sau khi đất nước thống nhất, kho lưu trữ trung  
II đặt tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập để tập trung bảo quản tài liệu lưu trữ của các  
cũ để lại. Thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển  
lưu trữ Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn về việc bảo quản và khai thác,  
ng tài liệu lưu trữ quốc gia. Ngày 26 tháng 12 năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định  
lập Phòng lưu trữ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là Phòng lưu trữ quốc  
liệt Nam) (6).

Một năm sau, ngày 11 tháng 12 năm 1982, Hội đồng Nhà nước lại ban hành Pháp lệnh bảo vệ tài  
lưu trữ quốc gia (7).

Những vấn đề nói trên đã thể hiện được tương đối đầy đủ những quan điểm cơ bản của Đảng và  
Nhà nước ta đối với công tác lưu trữ, đánh dấu một mốc mới trong lịch sử xây dựng ngành lưu trữ  
Việt Nam.

## 2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh các mặt công tác theo hướng đổi mới

Nhằm tăng thêm quyền hạn và hiệu lực quản lý, Cục lưu trữ trực thuộc Văn phòng Hội đồng Bộ  
trưởng đã được đổi tên và nâng cấp thành Cục lưu trữ Nhà nước trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng  
(theo Quyết định 34 HĐBT ngày 1-3-1984 của Hội đồng Bộ trưởng). Hệ thống tổ chức lưu trữ được cụ  
thể hóa hơn bởi một số văn bản của Hội đồng Bộ trưởng và Cục lưu trữ Nhà nước. Cho đến nay, lưu  
trữ quốc gia ta đã có một hệ thống tổ chức tương đối ổn định từ trung ương cho đến cấp tỉnh. Trung tâm  
lưu trữ quốc gia I (đặt tại Hà Nội) và Trung tâm lưu trữ quốc gia II (đặt tại thành phố Hồ Chí Minh) là  
hai trung tâm lưu trữ lớn nhất của Việt Nam. Trung tâm lưu trữ quốc gia I có khối lượng gần 10.000m giá tài  
liệu. Trong đó tài liệu của các thời kì trước Cách mạng mà chủ yếu là tài liệu của thời kỳ cận  
đại chiếm hơn phân nửa, gồm tài liệu của các cơ quan thuộc Phủ toàn quyền Đông Dương, Khâm sứ Bắc  
Kỳ và các tỉnh của Bắc Kỳ trước đây. Khối tài liệu thuộc thời kỳ dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa  
rất phong phú gồm tài liệu của gần một trăm cơ quan trung ương và một số cơ quan cấp k  
đang hoạt động hoặc đã giải thể. Trung tâm lưu trữ quốc gia II hiện bảo quản khoảng 14.000 m giá tài  
liệu thuộc các thời kỳ lịch sử. Trong đó có nhiều khối tài liệu có giá trị nghiên cứu rất lớn như khối tài  
liệu gốc bản của thời kỳ phong kiến - một dạng tài liệu lưu trữ đặc thù của Việt Nam hiện còn  
khoảng 37.000 tấm; khối tài liệu châu bản triều Nguyễn gồm hàng trăm tập và bó với nội dung khá  
đa dạng; khối tài liệu về địa bạ với trên 10.000 quyển của phần lớn các tỉnh Trung, Nam, Bắc; tài  
liệu của các chính quyền tay sai thực dân Pháp và đế quốc Mỹ... Đáp ứng các yêu cầu về đổi mới theo  
hướng Nghị quyết Đại hội 6, những năm gần đây, cánh cửa của Trung tâm lưu trữ này đã được mở  
rộng hơn, mỗi năm đón nhận trên dưới một nghìn lượt người đến nghiên cứu sử dụng tài liệu với  
những mục đích khác nhau, mang lại hiệu quả kinh tế, chính trị, khoa học ngày càng lớn.

Tóm lại, 45 năm qua, mà thực chất là từ năm 1962 đến nay, Lưu trữ Việt Nam trên bước đường  
phát triển, đã vượt qua nhiều chặng khó khăn, vươn tới và trưởng thành, thực hiện có kết quả những  
nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao phó; đạt những thành tựu rất cơ bản về xây dựng tổ  
chức, đào tạo đội ngũ cán bộ, phát triển khoa học nghiệp vụ. Đặc biệt đã gìn giữ an toàn một khối  
lượng đồ sộ tài liệu lưu trữ quốc gia và đáp ứng được nhiều yêu cầu về nghiên cứu, sử dụng tài liệu.  
Nếu xem xét quá khứ một cách khách quan và nghiêm túc, thì chúng ta chưa thể hài lòng với

những thành tựu đã gặt hái được. Bởi lẽ, cho đến nay, lưu trữ Việt Nam vẫn chưa có một hệ thống chức hoàn chỉnh và đủ mạnh, Nhà nước chưa quản lý được triệt để công tác lưu trữ, cơ sở vật kỹ thuật còn rất nghèo nàn, do Nhà nước chưa đầu tư thích đáng; việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật về tin học chưa được chú ý đầy đủ. Xã hội đang chờ đợi và đòi hỏi ngành lưu trữ nước ta có bước chuyển mình mạnh mẽ, đổi mới toàn diện và triệt để hơn.

## CHÚ THÍCH

1. Sắc lệnh này cử Ngô Đình Nhu làm Giám đốc Nha lưu trữ công văn và Thư viện quốc gia (liệu lưu trữ văn phòng Hội đồng Bộ trưởng)

2a. Những văn kiện chủ yếu của Đảng và Nhà nước về công tác công văn giấy tờ và công tác lưu trữ. Cục lưu trữ xuất bản, Hà Nội, 1982, tr. 8

2. Sđđ, tr. 16, 17

3. Sđđ tr. 31

4. Sđđ tr. 41

5. Bài viết này chủ yếu đề cập đến lưu trữ của Nhà nước là lưu trữ tiêu biểu của quốc gia

6. Những văn kiện chủ yếu... Sđđ, tr. 114, 115

7. Công báo, số 24, năm 1982, tr. 478, 479.